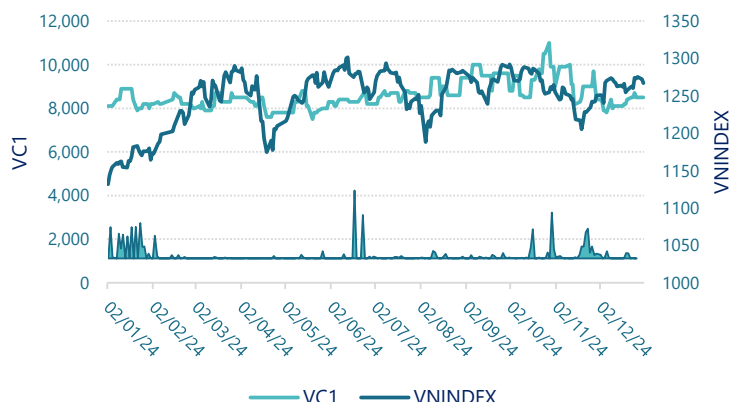


CTCP Xây dựng số 1 (HNX: VC1)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	8,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,500
SL cổ phiếu LH	12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	20,200
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	102
P/E	29.2
EPS	291

DT thuần

Q4/24

244

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 159 | 186%

YoY: ▲ 115 | 88.9%

LN sau thuế

Q4/24

0.17

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.93 | -84.5%

YoY: ▼ 2.89 | -94.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

3.2%

+/- YoY: ▼ 3.2%

DT thuần

2024

508

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 285 | 128%

LN sau thuế

2024

3.49

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.87 | 33.3%

ROE

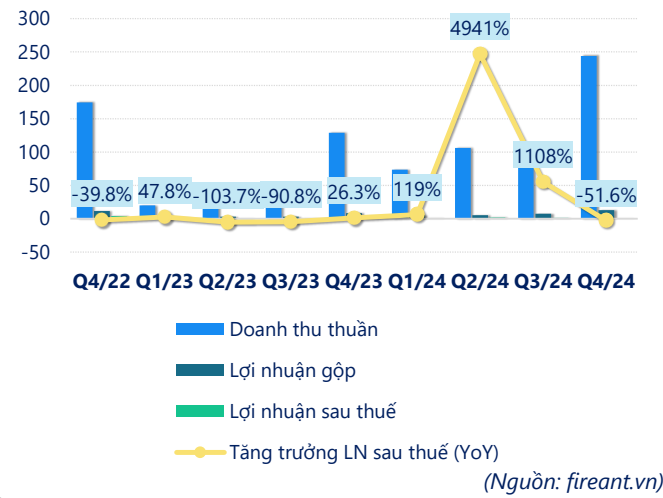
2024

1.4%

+/- YoY: ▲ 0.3%

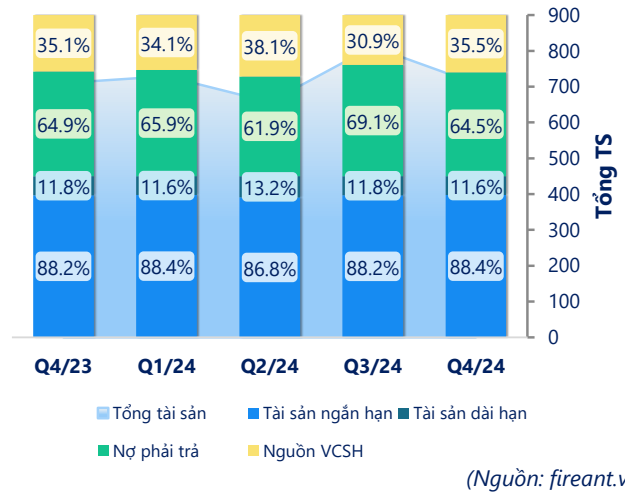
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

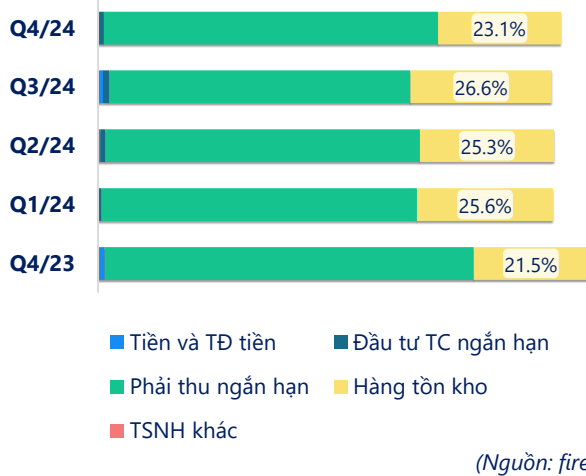


Cơ cấu Tổng tài sản

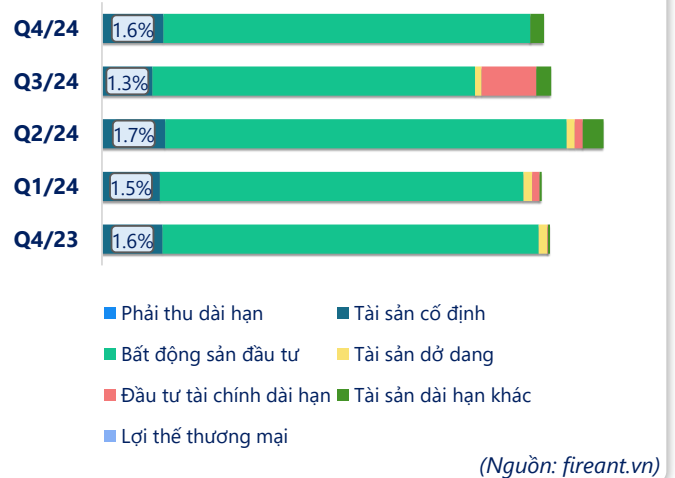
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

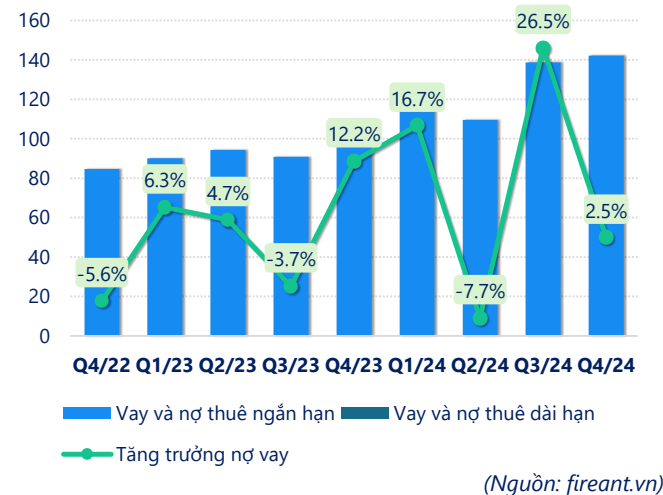


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



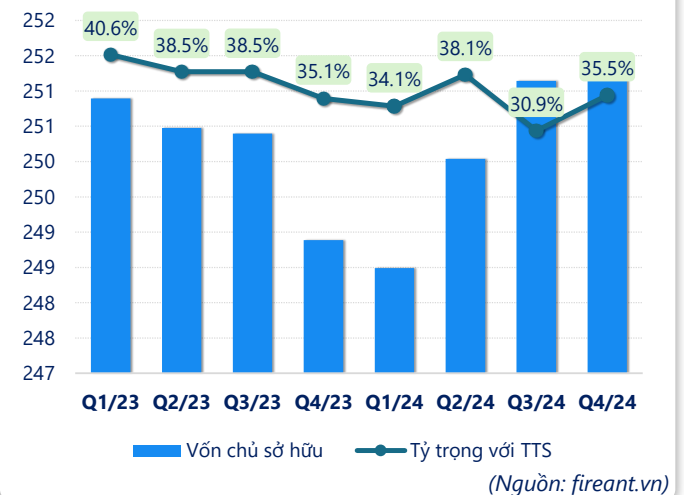
tỷ VNĐ

Nợ vay

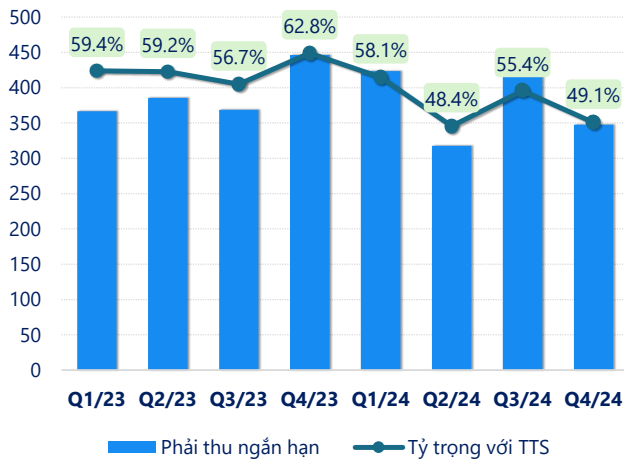


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

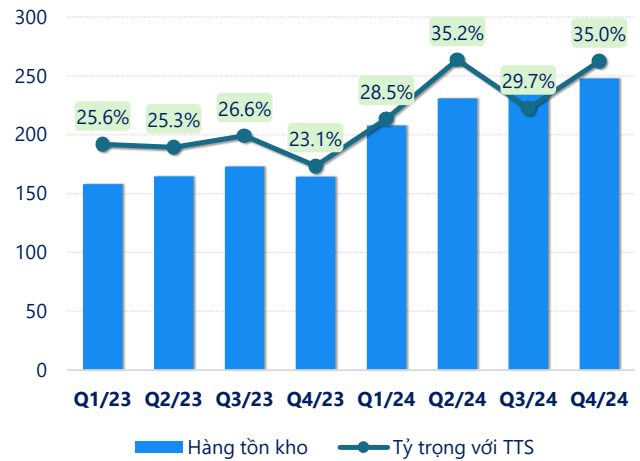


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


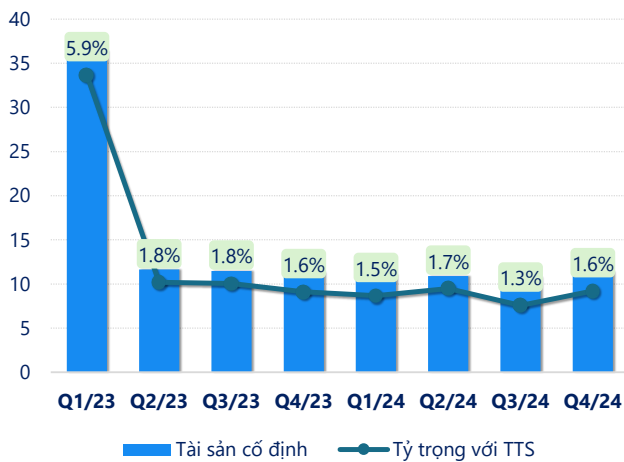
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


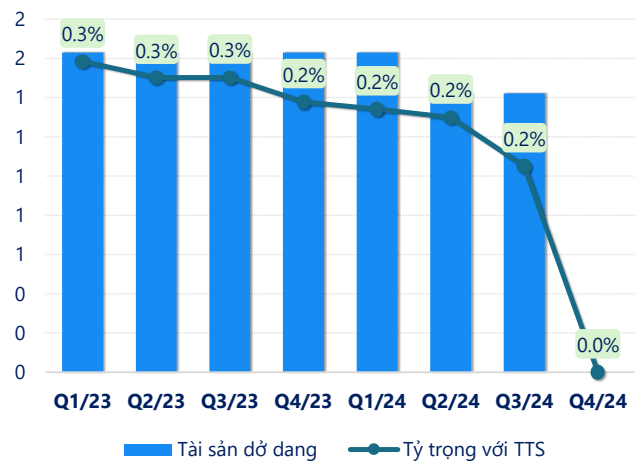
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

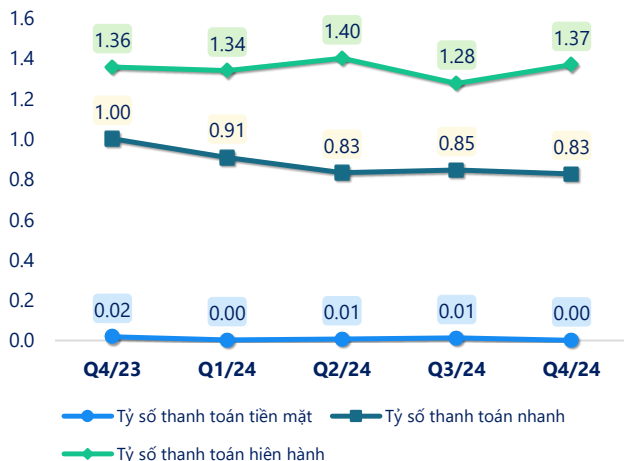
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

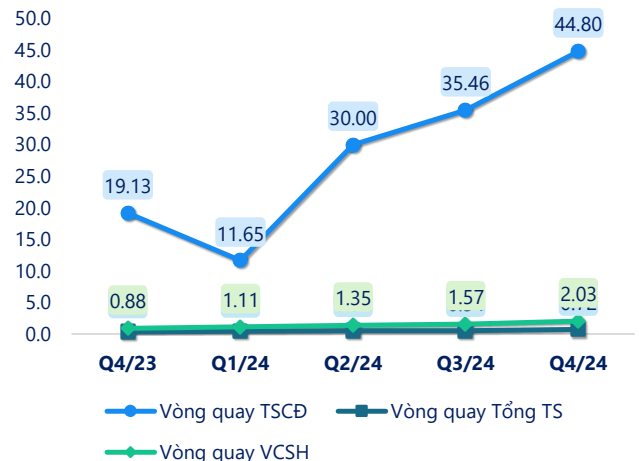
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	710	730	657	812	708
Tài sản ngắn hạn	626	645	570	716	626
Tiền và tương đương tiền	8.55	1.15	2.76	7.29	0.43
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.25	12.1	16.8	18.2	29.9
Phải thu ngắn hạn	446	424	318	449	348
Hàng tồn kho	164	208	231	241	248
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.53	1.84	0.07	0
Tài sản dài hạn	83.7	84.4	86.7	96.0	82.4
Phải thu dài hạn	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05
Tài sản cố định	11.3	11.1	10.9	10.8	11.4
Bất động sản đầu tư	70.3	69.9	69.4	68.9	68.4
Tài sản dở dang	1.63	1.63	1.42	1.42	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0.11	1.46	1.35	11.7	0
Tài sản dài hạn khác	0.40	0.37	3.61	3.17	2.55
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	461	481	407	561	457
Nợ ngắn hạn	461	481	407	560	457
Vay và nợ thuê ngắn hạn	102	119	110	139	142
Phải trả người bán ngắn hạn	128	105	131	138	176
Nợ dài hạn	0.24	0.24	0.24	0.22	0.16
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	249	248	250	251	251
Vốn chủ sở hữu	249	248	250	251	251
Vốn điều lệ	120	120	120	120	120
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)